

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2022

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Ma Văn Sơn

*Thư ký Tòa án:* Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:*  
Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn QN, xã VT, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn C, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Nông Văn C qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 14/8/2017, sau khi kết hôn chị N và anh C cùng chung sống tại thôn QN, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội được một thời gian, sau đó cùng nhau đi làm công nhân xa nhà. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị N cho rằng vợ chồng không hoà hợp, xảy ra nhiều cãi vã, anh C không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, có lần vợ chồng xô xát đánh nhau phải nhờ đến gia đình hai bên hoà giải nhưng không đạt

kết quả. Đến tháng 5 năm 2019 thì chị N và anh C đã sống ly thân. Hiện chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nông Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh C có 02 con chung là Nông Nhã Phương C, sinh ngày 18/8/2017 và Nông Phương A, sinh ngày 16/7/2019, hiện nay các con đang sống cùng chị N, chị N có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Văn C đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Đinh Thị T (là mẹ đẻ của anh C), ông Bàn Văn T – Trưởng thôn NL, xã PB và Công an xã PB, xác định anh Nông Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay anh C đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, bà T chỉ biết anh C làm việc tại miền Nam và không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh C mới trở về gia đình, địa phương. Bà T có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho anh Nông Văn C biết về việc chị Phùng Thị N có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho anh C).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị N, cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Nông Văn C; về con chung: Giao các cháu Nông Nhã Phương C, sinh ngày 18/8/2017 và Nông Phương A, sinh ngày 16/7/2019 cho chị Phùng Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nông Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có,

không đề cập xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh C không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nông Văn C; Anh Nông Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Nông Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn NL, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh C đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh C đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh C đến Tòa án để làm việc nhưng anh C vắng mặt không có lý do, anh C đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nông Văn C vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị N và anh Nông Văn C là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn chị N và anh C chung sống tại thôn QN, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội được một thời gian, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, anh C không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, có lần vợ chồng xô xát đánh nhau phải nhờ đến gia đình hai bên hoà giải nhưng không đạt kết quả nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nông Văn C.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 11/7/2022 (BL 51, 52) thấy rằng chị N và anh C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị N, cho chị N được ly hôn anh Nông Văn C.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị N và anh C có 02 con chung là Nông Nhã Phương C, sinh ngày 18/8/2017 và Nông Phương A, sinh ngày 16/7/2019, chị N có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh C không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con, hiện nay anh C cũng không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con; do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao 02 con chung là Nông Nhã Phương C và Nông Phương A cho chị Phùng Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Phùng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Nông Văn C không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị N, cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Nông Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Nhã Phương C, sinh ngày 18/8/2017 và cháu Nông Phương A, sinh ngày 16/7/2019 cho chị Phùng Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Văn C không

phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*). Chị N đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005325 ngày 03/6/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh Nông Văn C không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã VT,
- H. Ba Vì, Tp. Hà Nội (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(*đã ký*)

**Lâm Hạnh Quỳnh**